TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 586/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Ông Nguyễn Phú Lộc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 586A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồng Thị Kim N, sinh năm 1996; cư trú tại: số 887, tổ 25, ấp K, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; cư trú tại: số 887, tổ 25, ấp K, xã KH, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồng Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh L do gia đình hai bên mai mối nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KH vào ngày 13/11/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Hơn nữa, anh L thường xuyên uống rượu, không chăm lo đến kinh tế gia đình, chị và anh L đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, hiện đã sống ly thân từ tháng 04/2023. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: chị N và anh L có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 30/8/2015, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị N có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh L.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 30/8/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí dân sự: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con". Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Hồng Thị Kim N và bị đơn anh Nguyễn Văn L xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KH vào ngày 13/11/2014. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh L, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Anh L thường xuyên uống rượu, không chăm lo đến kinh tế gia đình, chị N và anh L đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, hiện đã sống ly thân từ tháng 04/2023.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, chị N và anh L đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Qua đó, cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3] Về con chung: chị N và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 30/8/2015, hiện con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh L không có ý kiến. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Minh do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Minh có nguyện vọng được sống với chị N. Do đó, để ổn định về tâm lý cũng như ổn định về môi

trường sống, điều kiện học tập, nơi ở và đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Minh, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Minh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng: do chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự: chị N phải chịu 300.000đ án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh L không phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Xét các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Hồng Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 257 ngày 13/11/2014 của Ủy ban nhân dân xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho chị Hồng Thị Kim N và anh Nguyễn Văn L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: chị Hồng Thị Kim N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 30/8/2015.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp

nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: chị Hồng Thị Kim N không yêu cầu anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự: chị Hồng Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005760 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: chị Hồng Thị Kim N và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- UBND xã KH;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang